

Số: 79 /TB - ĐHTDM

Bình Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2021

### THÔNG BÁO

#### V/v tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 21.2 năm 2021

Thực hiện Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quyết định số 06/QĐ-HĐTr ngày 02/7/2019 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Quyết định số 246/QĐ-ĐHTDM, ngày 27/01/2021 về ban hành Đề án tuyển sinh Đào tạo Sau đại học năm 2021 của Trường Đại học Thủ Dầu Một; Kế hoạch số 11/KH-ĐHTDM ngày 28/01/2021 về kế hoạch tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ năm 2021 của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 21.2 năm 2021 như sau:

### 1. CHUYÊN NGÀNH, CHỈ TIÊU, MÔN THI VÀ HÌNH THỨC THI

#### 1.1. Các ngành thi tự luận

STT	Tên ngành	Mã ngành	Các môn thi tuyển	Hình thức thi
01	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	Môn 1: Lịch sử Việt Nam Môn 2: Phương pháp luận sử học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	- Hình thức thi: Tự luận đối với môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành. Thời gian 120 phút/môn thi - Riêng đối với môn ngoại ngữ tổ chức thi 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo khung năng lực ngoại ngữ theo quy định của BGDĐT + Nghe, đọc, viết: Thi tự luận. + Nói: Thi vấn đáp.
02	Quản lý giáo dục	8 14 01 14	Môn 1: Đại cương khoa học quản lý Môn 2: Giáo dục đại cương Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
03	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	Môn 1: Tiên trình văn học Môn 2: Lý luận văn học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
04	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	Môn 1: Linguistics (Syntax, Semantics and Phonetics). Môn 2: Language skills Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
05	Công tác xã hội	8 76 01 01	Môn 1: Lý thuyết công tác xã hội Môn 2: Nhập môn công tác xã hội Môn 3: Ngoại ngữ (*)	

#### 1.2. Các ngành thi trắc nghiệm trên máy tính

STT	Tên ngành	Mã ngành	Các môn thi tuyển	Hình thức thi
01	Kế toán	8 34 03 01	Môn 1: Nguyên lý kế toán Môn 2: Kinh tế học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	- Thi trắc nghiệm đối với môn cơ sở ngành

02	<b>Quản trị kinh doanh</b>	8 34 01 01	Môn 1: Quản trị học Môn 2: Kinh tế học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	và chuyên ngành. - Thời gian thi 90 phút/môn. - Môn ngoại ngữ tổ chức thi 4 kỹ năng nghe, đọc, viết, nói theo quy định của BGD&ĐT về khung năng lực ngoại ngữ. - Thời gian thi 135 phút đối với nghe, đọc, viết và 20 phút đối với kỹ năng nói.
03	<b>Khoa học môi trường</b>	8 44 03 01	Môn 1: Đại cương công nghệ môi trường Môn 2: Cơ sở khoa học môi trường Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
04	<b>Hệ thống thông tin</b>	8 48 01 04	Môn 1: Toán rời rạc Môn 2: Cơ sở tin học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
05	<b>Tài chính Ngân hàng</b>	8 34 02 01	Môn 1: Lý thuyết tài chính tiền tệ Môn 2: Kinh tế học Môn 3: Ngoại ngữ (*)	
06	<b>Luật kinh tế</b>	8 38 01 07	Môn 1: Luật thương mại Môn 2: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật Môn 3: Ngoại ngữ (*)	

(\*) Một trong các **ngoại ngữ** sau: Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung. Riêng ngành Ngôn ngữ Anh môn ngoại ngữ dự thi đầu vào là tiếng Pháp hoặc tiếng Trung.

### 1.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu 11 ngành: 410 chỉ tiêu.

## 2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Thời gian học: Các ngày Thứ bảy, Chủ nhật hằng tuần.

## 3. ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

### 3.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (*Xem phụ lục 1*).

### 3.2. Thâm niên công tác

Đối với người có bằng đại học thuộc ngành khác với ngành dự thi, được dự thi vào ngành Quản trị Kinh doanh và ngành Quản lý Giáo dục sau khi đã học bổ sung kiến thức và có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

### 3.3. Điều kiện sức khỏe

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của người học.

### 3.4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- Đối tượng và chính sách ưu tiên thực hiện theo Điều 9, TT15/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đơn xin xét đối tượng ưu tiên (Mẫu tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn>), kèm các minh chứng liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ xét đối tượng ưu tiên đến hết ngày **15/10/2021**. Danh sách thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được đăng tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn> trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

#### **4. HÌNH THỨC THI VÀ NGÀY THI TUYỂN**

##### **4.1. Hình thức thi tuyển**

- Các ngành : Lịch sử Việt Nam; Văn học Việt Nam; Quản lý giáo dục; Ngôn ngữ Anh; Công tác xã hội. Thi tự luận đối với môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành. Thời gian 120 phút/môn thi

- Các ngành: Luật kinh tế; Quản trị kinh doanh; Tài chính- Ngân hàng; Hệ thống thông tin; Khoa học môi trường; Kế toán. Thi trắc nghiệm trên máy tính đối với môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành (Tổng câu hỏi 50 câu/đề thi/môn thi; thời gian thi là 90 phút/môn thi).

- Riêng môn ngoại ngữ thi bốn kỹ năng Nói, Nghe, Đọc, Viết.

+ Nói: Thi vấn đáp 20 phút.

+ Nghe, Đọc, Viết: Thi tự luận 135 phút.

- Hồ sơ đăng ký thi (*Xem phụ lục 2*)

##### **4.2. Hình thức xét tuyển**

- Đối tượng xét tuyển

+ Người tốt nghiệp đại học chính quy, văn bằng 2 Trường Đại học Thủ Dầu Một và các trường khác trong cả nước đạt loại giỏi (*Xem phụ lục 3*) có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10), có kết quả rèn luyện cuối khoá đạt loại khá trở lên. Trong thời gian 24 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

+ Người tốt nghiệp đại học các chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp (PFIEV);

+ Người tốt nghiệp đại học các chương trình đã được kiểm định ABET còn trong thời gian hiệu lực;

+ Người tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của ĐHQG; Chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10); người tốt nghiệp đại học từ các chương trình đã được kiểm định AUN-QA còn trong thời gian hiệu lực có điểm trung bình tích lũy từ 7,5 điểm trở lên

(theo thang điểm 10) ngành đúng với ngành đăng ký xét tuyển. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký quyết định tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển.

**Lưu ý:** Trường hợp bảng điểm đại học theo hệ 4 phải có xác nhận điểm theo hệ 10 của cơ sở đào tạo.

+ Có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (*xem phụ lục 5*). Nếu ứng viên chưa có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như quy định thì phải đăng ký thi ngoại ngữ cùng với kỳ thi tuyển sinh đào tạo thạc sĩ theo thông báo của Trường.

- Hồ sơ xét tuyển (*xem phụ lục 4*)

#### **4.3. Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển**

- Thời hạn: **Từ 02/7/2021 đến 15/10/2021.**

- Địa điểm phát hành và nhận Hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một.

+ Hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tuyến tại: <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn> hoặc <https://trungtamtuyensinh@tdmu.edu>.

+ Nhận hồ sơ trực tiếp tại **Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một**, số 06 đường Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341

Website: [www.tdmu.edu.vn](http://www.tdmu.edu.vn) - Email: [tuyensinh@tdmu.edu.vn](mailto:tuyensinh@tdmu.edu.vn)

- Thí sinh căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo.

#### **4.4. Tổ chức bổ túc kiến thức**

- Thời gian đăng ký từ ngày **02/7/2021** đến ngày **30/7/2021**. Hồ sơ đăng ký học bổ túc kiến thức tại Trung tâm tuyển sinh (cổng 3), Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Tổ chức học bổ túc kiến thức dự kiến từ **31/7/2021 đến 09/10/2021**.

- Tổ chức ôn tập dự kiến từ **10/10 đến 07/11** năm 2021.

- Thời gian học bổ túc kiến thức và ôn tập được tổ chức và các ngày Thứ bảy và Chủ nhật hàng tuần.

- Thông tin chi tiết về lịch học bổ túc kiến thức và lịch ôn tập cụ thể của từng môn học được công bố trên website [saudaihoc.tdmu.edu.vn](http://saudaihoc.tdmu.edu.vn)

#### **4.5. Tổ chức tuyển sinh**

- Nhận hồ sơ tuyển sinh đến **15/10/2021**.

- Công bố danh sách đủ điều kiện dự thi **20/10/2021**.

- Nhận giấy dự thi từ **06/11/2021 đến 12/11/2021**.

- Dự kiến ngày thi tuyển, xét tuyển: Ngày **13 và 14 tháng 11 năm 2021** (Lịch thi tuyển và xét tuyển cụ thể thông báo sau).

- Địa điểm thi: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Công bố kết quả thi tuyển sinh và điểm chuẩn **19/11/2021**.
- Nhận đơn phúc khảo từ **19/11 đến 06/12/2021**.
- Công bố danh sách trúng tuyển ngày **10/12/2021**.
- Nhận giấy báo nhập học từ **13/12 đến 25/12/2021**.
- Khai giảng dự kiến: Ngày **26/12/2021**.

#### **4.6. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ**

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ theo quy định (*Xem phụ lục 5*).

Các chứng chỉ trên còn trong thời hạn có giá trị theo quy định.

#### **5. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN**

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi.

- Nhà trường ưu tiên xét tuyển thẳng đối với thí sinh học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một trong 2 năm (24 tháng) kể từ khi tốt nghiệp, đăng ký dự tuyển đúng chuyên ngành có kết quả trung bình tích lũy đạt 8,0 trở lên và được giảm 50% học phí trong năm đầu tiên của khóa học.

#### **6. LỆ PHÍ TUYỂN SINH VÀ HỌC PHÍ**

##### **6.1. Lệ phí tuyển sinh**

- Học phí bổ túc kiến thức: 1.170.000 đồng/học phần.
- Học phí ôn thi: 1.170.000 đồng/học phần.
- Lệ phí đăng ký thi: 60.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí tuyển sinh: 200.000 đồng/môn.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.
- **Hình thức nộp**

+ **Nộp tiền mặt** : Tại Trung tâm tuyển sinh công 3, Trường Đại học Thủ Dầu Một (bộ phận thu phí, lệ phí).

+ **Chuyển khoản vào tài khoản:** Đơn vị thụ hưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương. Nội dung và cú pháp nộp tiền (*xem phụ lục 6*).

- Học viên đóng tiền qua ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do Ngân hàng hoặc Kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

### 6.2. Học phí năm học 2020-2021

- Nhóm ngành khoa học xã hội, kinh tế, luật, ngoại ngữ: 22.050.000 đồng.
- Nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ: 26.325.000 đồng.

**Nơi nhận:** 

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Hội đồng Trường;
- HT và PHT;
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường và ĐTSĐH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Ngô Hồng Điệp**



**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VỚI CHUYÊN**  
**NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TẠI TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ TÚC**  
**KIẾN THỨC**

(Đính kèm Thông báo số 79 /TB-ĐHTDM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

### 1.1. Lịch sử Việt Nam

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sơ phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Sử - Chính trị; Khảo cổ học; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản;	<p><b>Nhóm 1:</b> Chính trị học; khoa học chính trị; Đông phương học; Việt Nam học; Dân tộc học; Nhân học; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Xây dựng Đảng; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Văn học; Văn hóa học; Báo chí; Thư viện; Giáo dục học; Châu Á học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.</p>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới.</li> <li>Lịch sử sử học thế giới.</li> <li>Lịch sử sử học Việt Nam.</li> </ol> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại cương lịch sử thế giới.</li> <li>Đại cương lịch sử Việt Nam.</li> <li>Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới.</li> <li>Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam.</li> </ol>

### 1.2. Hệ thống Thông tin

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học máy tính; Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; An toàn và bảo mật thông tin; Tin học; Tin học quản lý; Tin học ứng dụng; Tin học công nghiệp; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin kinh tế; Sơ phạm tin học; Sơ phạm công nghệ thông tin; Toán tin; Xử lý thông tin; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo.	<p><b>Nhóm 1:</b> Sơ phạm toán; Toán học; Toán cơ; Toán ứng dụng; Khoa học tính toán; Thông kê; Tin học môi trường.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật đo lường.</p>	<p><b>Nhóm 1 :</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ sở dữ liệu.</li> <li>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật.</li> <li>Lập trình hướng đối tượng.</li> <li>Phân tích và thiết kế hệ thống.</li> <li>Khai phá dữ liệu.</li> </ol> <p><b>Nhóm 2 :</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cơ sở dữ liệu.</li> <li>Cấu trúc dữ liệu và giải thuật.</li> <li>Lập trình hướng đối tượng.</li> <li>Phân tích và thiết kế hệ thống.</li> <li>Toán rời rạc.</li> <li>Khai phá dữ liệu.</li> <li>Phân tích thống kê.</li> </ol>

### 1.3. Quản trị Kinh doanh

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản trị kinh doanh	<p><b>Nhóm 1:</b> Kinh tế học; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Kế toán – Kiểm toán; Quản trị - Quản lý hoặc các ngành kinh tế nói chung.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Khoa học giáo dục; Nghệ thuật;</p>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quản trị tài chính.</li> <li>Quản trị chuỗi cung ứng.</li> <li>Quản trị chất lượng.</li> </ol> <p><b>Nhóm 2:</b></p>

	Nhân văn; Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Pháp luật; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Nông - lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - quốc phòng; Công tác xã hội; Bảo hộ lao động.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị tài chính.</li> <li>2. Quản trị chuỗi cung ứng.</li> <li>3. Quản trị chất lượng.</li> <li>4. Quản trị học.</li> <li>5. Kinh tế vi mô.</li> </ol>
--	---	---

#### 1.4. Công tác xã hội

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Công tác xã hội	<p><b>Nhóm 1:</b> Tâm lý học; Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Quản lý giáo dục; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục công dân.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Nhân văn: Tiếng Việt và văn hóa Tiếng Việt, Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Việt Nam học, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung,...), Triết học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa,...</p> <p>Khoa học xã hội và hành vi: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý Nhà nước, Địa lý học.</p> <p>Báo chí và thông tin: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Khoa học thư viện, Thông tin học, Lưu trữ học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</p> <p>Kinh doanh và quản lý: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng.</p> <p>Pháp luật: Luật, Luật Kinh tế, Luật quốc tế</p> <p>Sức khỏe: Y học, Y tế công cộng, Dược học, Điều dưỡng, Quản lý bệnh viện</p> <p>An ninh - Quốc phòng: Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân.</p> <p>Hành chính học</p>	<p><b>Nhóm 1:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn Công tác xã hội.</li> <li>2. Công tác xã hội cá nhân.</li> <li>3. Công tác xã hội nhóm.</li> <li>4. Tổ chức Phát triển cộng đồng.</li> </ol> <p><b>Nhóm 2:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn Công tác xã hội.</li> <li>2. Công tác xã hội cá nhân.</li> <li>3. Công tác xã hội nhóm.</li> <li>4. Tổ chức Phát triển cộng đồng.</li> <li>5. Hành vi con người và môi trường.</li> <li>6. Lý thuyết công tác xã hội.</li> </ol>



### 1.5. Khoa học Môi trường

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học Môi Trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.	Sinh học chung, Địa lý môi trường, Kinh tế môi trường, Khoa học đất; Hóa học chung; Quản lý đất đai; Kinh tế môi trường; An toàn sức khỏe môi trường; Sinh thái môi trường.	1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường. 3. Cơ sở khoa học môi trường.

### 1.6. Văn học Việt Nam

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Văn học, Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm.	Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Anh, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức, Ngữ văn Nhật, Ngôn ngữ và văn hoá Phương Đông; Văn hóa học, Việt Nam học, Văn hoá dân tộc, Văn hóa quần chúng, Du lịch; Lý luận Mĩ thuật, Lý luận Nghệ thuật, Lý luận Âm nhạc, Lý luận Sân khấu, Lý luận Điện ảnh; Triết học, Nhân học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Báo chí, Truyền thông đại chúng.	1. Những vấn đề cơ bản của văn học trung đại Việt Nam. 2. Những vấn đề cơ bản của văn học hiện đại Việt Nam. 3. Văn học, nhà văn, bạn đọc.

### 1.7. Kế toán

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Kế toán; Kế toán Tài chính; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán - Kiểm toán.	Kinh doanh, Tài chính - ngân hàng - Bảo hiểm, Quản trị - Quản lý các chương trình đào tạo thuộc khối ngành kinh tế nói chung.	1. Kế toán tài chính. 2. Kế toán chi phí. 3. Kế toán quản trị. 4. Phân tích hoạt động kinh doanh. 5. Kiểm toán căn bản.

### 1.8. Quản lý Giáo dục

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản lý Giáo dục, Giáo dục học.	<b>Nhóm 1:</b> Giáo dục Mầm non; Tâm lý học; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Đặc biệt; Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Quản lý văn hóa; Quản lý Nhà nước; Khoa học quản lý; Khối ngành Sư phạm. <b>Nhóm 2:</b> Có bằng tốt nghiệp đại học không bao gồm các chuyên ngành đã liệt kê trong nhóm 1. Hiện đang công tác trong ngành Giáo dục đào tạo hoặc liên quan đến Giáo dục và đào tạo.	<b>Nhóm 1 :</b> 1. Giáo dục học đại cương. 2. Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo. 3. Đại cương Khoa học quản lý. <b>Nhóm 2:</b> 1. Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục. 2. Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo. 3. Đại cương Khoa học quản lý. 4. Đại cương về Tâm lý học. 5. Giáo dục học.

### 1.9. Ngôn ngữ Anh

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (02 tín chỉ/học phần)
Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh hoặc Ngữ văn Anh Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Anh.	<p>Bằng tốt nghiệp đại học các ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng, Văn chương Anh – Mỹ, Ngôn ngữ học đối chiếu, Hoa Kỳ học, Anh học, Biên phiên dịch tiếng Anh tại trường đại học trong hay ngoài nước được Bộ GD&amp;ĐT công nhận;</p> <p>Ngôn ngữ học, Quản lý Giáo dục, Văn hóa học, Tâm lý học, Giáo dục học tốt nghiệp ở trường nước ngoài và được đào tạo bằng ngôn ngữ Anh được Bộ GD&amp;ĐT công nhận;</p> <p>Bằng tốt nghiệp đại học ngành khác của trường đại học trong nước hay ngoài nước được Bộ GD&amp;ĐT công nhận <b>và</b> có một trong các chứng chỉ tiếng Anh sau: TOEIC từ 600 điểm trở lên hoặc IELTS từ 5.5 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT từ 60 điểm trở lên; <b>hoặc</b> có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh được Bộ GD&amp;ĐT công nhận.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Semantics</li> <li>2. Syntax</li> <li>3. Morphology</li> <li>4. Phonetics</li> <li>5. Academic reading and writing 1</li> <li>6. Academic reading and writing 2</li> </ol>

### 1.10. Tài chính Ngân hàng

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Tài chính – Ngân hàng; Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích và Đầu tư tài chính; Đầu tư; Đầu tư quốc tế; Đầu tư chứng khoán; Bảo hiểm; Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm.	Kinh tế học, Kinh tế đối ngoại, Kinh doanh, Kế toán – Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh và Quản lý và các chương trình đào tạo thuộc khối ngành kinh tế nói chung.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tiền tệ - Ngân hàng.</li> <li>2. Thị trường tài chính.</li> <li>3. Tài chính doanh nghiệp.</li> </ol>

### 1.11. Luật kinh tế

Ngành đại học đúng/phù hợp (Không học bổ túc kiến thức)	Ngành đại học gần/ngành khác (Học bổ túc kiến thức)	Các học phần bổ túc kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Luật học; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật thương mại quốc tế.	Quản lý nhà nước; Quản trị Kinh doanh; Tài chính Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Pháp luật về chủ thể kinh doanh.</li> <li>2. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ.</li> <li>3. Pháp luật quốc tế.</li> </ol>



**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THI TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
(Đính kèm Thông báo số 13/TB-ĐHTĐM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi;
2. Lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan/địa phương);
3. 02 bản sao bằng đại học (công chứng);
4. 02 bảng điểm đại học (công chứng);
5. Phiếu khám sức khỏe (trong thời hạn 6 tháng);
6. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc bản sao hợp đồng làm việc (nếu có);
7. Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ (công chứng);
8. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (công chứng);
9. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ tên vào mặt sau ảnh);
10. 02 giấy CMND (công chứng)
11. 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ.

(Tải mẫu Hồ sơ tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn/Home/Content/486>)



**Phụ lục 3**  
**ĐIỀU KIỆN VĂN BẰNG ĐỐI MỚI CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN**  
**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Đính kèm Thông báo số 19/TB-ĐHĐM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp
<b>Lịch sử Việt Nam</b>	Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sư phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Sử - Chính trị; Khảo cổ học; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản;
<b>Hệ thống Thông tin</b>	Khoa học máy tính; Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; An toàn và bảo mật thông tin; Tin học; Tin học quản lý; Tin học ứng dụng; Tin học công nghiệp; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin kinh tế; Sư phạm tin học; Sư phạm công nghệ thông tin; Toán tin; Xử lý thông tin; Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo.
<b>Quản trị Kinh doanh</b>	Quản trị kinh doanh
<b>Công tác Xã hội</b>	Công tác xã hội
<b>Khoa học Môi trường</b>	Khoa học Môi Trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.
<b>Văn học Việt Nam</b>	Văn học, Ngữ văn, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm.
<b>Kế toán</b>	Kế toán; Kế toán Tài chính; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán - Kiểm toán.
<b>Quản lý Giáo dục</b>	Quản lý Giáo dục, Giáo dục học.
<b>Ngôn ngữ Anh</b>	Ngôn ngữ Anh/Tiếng Anh hoặc Ngữ văn Anh Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Anh.
<b>Tài chính Ngân hàng</b>	Tài chính – Ngân hàng; Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích và Đầu tư tài chính; Đầu tư; Đầu tư quốc tế; Đầu tư chứng khoán; Bảo hiểm; Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm.
<b>Luật kinh tế</b>	Luật học; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật thương mại quốc tế.



## Phụ lục 4

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
(Đính kèm Thông báo số 74/TB-ĐHTDM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Đơn đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ.
  2. Bản sao công chứng bằng điểm (còn hạn 12 tháng).
  3. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học (công chứng).
  4. Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ (công chứng);
  5. Giấy chứng nhận về thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học..( photo nếu có).
  6. Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi cấp quốc gia (nếu có).
  7. Bài luận về đề tài nghiên cứu (05 bộ).
  8. Bài viết tham dự hội thảo khoa học được đăng toàn văn trong kỷ yếu khoa học cấp Trường hoặc Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên (05 bộ nếu có).
  9. Sơ yếu lý lịch có chứng thực tại địa phương hoặc cơ quan công tác, còn hạn 12 tháng.
  10. Giấy khám sức khỏe (còn thời hạn trong 06 tháng).
  11. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ tên vào mặt sau ảnh);
  12. 02 giấy CMND (có công chứng)
- (Tải mẫu Hồ sơ tại <https://saudaihoc.tdmu.edu.vn/Home/Content/396>)



## Phụ lục 5

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ  
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO  
VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Đính kèm Thông báo số 79/TB-ĐHTDM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

### 5.1. Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	CEFR	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
Cấp độ 3	B1*	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Preliminary	40

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

### 5.2. Một số tiếng khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Cấp độ 3	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK 3	JLPT N4

\* Theo Thông báo số 691/TB-QLCL Ngày 08 tháng 05 năm 2020 của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Huế; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Vinh; Học viện An ninh nhân dân; Trường Đại học Sài Gòn; Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Trà Vinh; Trường Đại học Văn Lang



## Phụ lục 6

**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐÓNG TIỀN QUA TÀI KHOẢN**

(Đính kèm Thông báo số 14/TB-ĐHTĐM ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**6.1. Mức thu học phí, lệ phí tuyển sinh Khóa 21.2 năm 2021 và hình thức nộp****\* Mức thu**

- Học phí bổ túc kiến thức: 1.170.000 đồng/học phần.
- Học phí ôn thi: 1.170.000 đồng/học phần.
- Lệ phí đăng ký thi: 60.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí tuyển sinh: 200.000 đồng/môn.
- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/ hồ sơ.

**\* Hình thức nộp**

- Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Thủ Dầu Một**
- Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng **BIDV, Chi nhánh Bình Dương.**

**6.2. Cú pháp nộp tiền**

- **Nộp tiền bổ túc kiến thức như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
BTK21	Nguyễn văn A	.....	.....	

- **Nộp tiền ôn tập dự thi như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
OTK21	Nguyễn văn A	.....	.....	

- **Nộp tiền lệ phí thi 02 môn như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PTK2102	Nguyễn văn A	.....	460.000	

- **Nộp tiền lệ phí thi 03 môn như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PTK2103	Nguyễn văn A	.....	660.000	

- **Nộp tiền lệ phí xét tuyển như sau:**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
PXTK21	Nguyễn văn A	.....	560.000	

**Chú ý:** Thí sinh đóng tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này

**Ví dụ: Nộp tiền bổ túc kiến thức**

Mã nộp	Họ và tên	Số CMND	Số tiền	Ghi chú
BTK21	Nguyễn văn A	12345678	<b>3.510.000đ</b>	03 môn